

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI



**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

- ❖ Mã ngành đào tạo: 7340101
- ❖ Đơn vị thực hiện: Tổ bộ môn QTKD - Khoa Kinh tế

*Đồng Nai, 2018*

# MỤC LỤC



1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	2
1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo .....	2
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo .....	2
2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO .....	2
2.1. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi - triết lý giáo dục của trường đại học đồng nai giai đoạn 2015-2020 .....	2
2.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh.....	3
3. CHUẨN ĐẦU RA THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 07/2015/TT-BGDĐT NGÀY 16 THÁNG 04 NĂM 2015 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO .....	4
4. CƠ HỘI VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP SAU KHI TỐT NGHIỆP.....	6
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP.....	7
5.1. Thông tin tuyển sinh .....	7
5.2. Quy trình đào tạo .....	7
6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	7
6.1. Phương pháp bài giảng .....	7
6.2. Phương pháp thảo luận .....	8
6.3. Phương pháp nghiên cứu tình huống .....	8
6.4. Phương pháp giao bài tập: Bài tập cá nhân, bài tập nhóm.....	9
6.5. Phương pháp kiến tập, thực tập thực tế .....	9
7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ .....	10
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, MA TRẬN TƯƠNG ỨNG, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY VÀ MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN .....	12
8.1. Cấu trúc chương trình .....	12
8.2. Nội dung chương trình.....	12
8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến .....	29

# 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

Quản trị kinh doanh là một ngành học thuộc lĩnh vực Kinh tế - quản trị. Ngành này nghiên cứu quá trình quản lý một doanh nghiệp hoặc một tổ chức.

Ngành học Quản trị kinh doanh đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị và đạo đức, có sức khỏe, có ý thức phục vụ xã hội, có tinh thần say mê nghề nghiệp, nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội và những kỹ năng chuyên sâu về hoạt động quản trị và hoạt động kinh doanh. Sinh viên hoàn thành chương trình học có khả năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra đánh giá các dự án, các hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp. Sinh viên cũng có đủ nền tảng để tiếp tục theo học các khóa học sau đại học hoặc tự học hỏi để đạt được sự thành công cao trong lĩnh vực nghề nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc tại các doanh nghiệp và các bộ phận chức năng: phòng nhân sự, phòng marketing, phòng kinh doanh, phòng sản xuất, ... và các cơ quan nhà nước.

## 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

*Bảng 1: Thông tin chung về chương trình đào tạo*

1	Tên Chương trình (tiếng Việt)	Cử nhân Quản trị kinh doanh
2	Tên Chương trình (tiếng Anh)	Business administration
3	Mã ngành đào tạo:	7340101
4	Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Đồng Nai
5	Tên gọi văn bằng	Cử nhân Quản trị kinh doanh
6	Trình độ đào tạo:	Đại học
7	Hình thức đào tạo:	Chính quy tập trung
8	Thời gian đào tạo:	4 năm
9	Số tín chỉ tối thiểu	133
10	Ngôn ngữ	Tiếng Việt
11	Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp PTTH
12	Thang điểm đánh giá	10
13	Khoa quản lý	Khoa Kinh tế

## 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

**2.1 Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi - triết lý giáo dục của trường đại học đồng nai giai đoạn 2015-2020**

**\* Sứ mạng**

Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chất lượng cao; nghiên cứu, triển khai và chuyển giao KHCN phục vụ cho công cuộc công nghiệp hoá- hiện đại hoá, sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai, khu vực Đông Nam Bộ và cả nước.

**\* Tâm nhìn**

Đến năm 2020, xây dựng trường trở thành một cơ sở đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ có chất lượng, uy tín hàng đầu của tỉnh Đồng Nai và khu vực phụ cận; là nơi tập trung các chuyên gia, cán bộ, giảng viên trình độ cao; có các chương trình đào tạo hợp tác và liên kết quốc tế sâu rộng; có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, phục vụ tốt cho nhiệm vụ chính trị của trường.

**\* Giá trị cốt lõi**

1. Chất lượng – hiệu quả
2. Đổi mới - Sáng tạo
3. Kế thừa – phát triển
4. Hợp tác – Hội nhập
5. Trách nhiệm – Cống hiến

**\* Triết lý giáo dục:** Kỷ cương – Tình thương – Trách nhiệm

## **2.2 Mục tiêu chiến lược của Khoa Kinh tế**

Phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ và năng lực đáp ứng nhiệm vụ nghiên cứu và giảng dạy trong giai đoạn mới, tăng cường hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm tạo điều kiện và cơ hội học tập tốt nhất cho người học.

Nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học nhằm đáp ứng thị trường lao động trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát triển năng lực chuyên môn của người học đáp ứng qui định khung trình độ quốc gia Việt Nam và các chuẩn quốc tế.

## **2.3 Mục tiêu của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh**

### **2.3.1 Mục tiêu chung:**

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh được xây dựng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh; kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp; năng lực điều hành và cải tiến chất lượng; đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội; ý thức tự học và rèn luyện suốt đời nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

### **2.3.2. Mục tiêu cụ thể:**

*Về kiến thức:*

+ PO1: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, thị trường, hoạt động kinh doanh của các tổ chức hoạt động trong điều kiện cơ chế thị trường.

+ PO2: Nắm vững các kiến thức chuyên môn, cách thức thực hiện các chức năng quản trị như: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, kiểm tra và đánh giá trong thực tiễn quản lý kinh doanh nói chung cũng như quản trị các lĩnh vực hoạt động khác nhau của một tổ chức kinh doanh.

*Về kỹ năng:*

+ PO3: Có kỹ năng tư duy độc lập, nhận định, phân tích, đánh giá tình huống trong thực tiễn kinh doanh, ra quyết định để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh.

+ PO4: Kỹ năng xây dựng, tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh

+ PO5: Kỹ năng giao tiếp, đàm phán và quan hệ với công chúng

+ PO6: Kỹ năng tổ chức, quản lý, phối hợp làm việc theo nhóm

*Về thái độ:*

+ PO7: Rèn luyện người học có sức khỏe tốt, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt.

*Trình độ ngoại ngữ và tin học:* Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Trường Đại Học Đồng Nai.

### **3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

*(Theo quy định tại thông tư số 07/2015/tt-bgdđt ngày 16 tháng 04 năm 2015 của bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo)*

#### **3.1 Kiến thức**

##### **❖ Kiến thức chung**

- PLO1: Nắm vững những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ đó vận dụng sáng tạo những nguyên lý, những nội dung, tư tưởng trong hoạt động nhận thức, thực tiễn và khoa học chuyên ngành.

- PLO2: Đảm bảo lượng kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức chuyên ngành và điều kiện để nâng cao trình độ.

##### **❖ Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành**

- PLO3: Nhận biết đầy đủ và giải thích được những vấn đề cơ bản về: Kinh tế xã hội, kinh tế học, pháp luật kinh tế, chính sách kinh doanh; quản lý tài chính doanh nghiệp; những nguyên lý cơ bản về kế toán; thống kê phân tích đánh giá các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; những nguyên tắc, phương pháp cơ bản của ngành Quản trị kinh doanh và những vấn đề có liên quan.

- PLO4: Nắm vững những kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp; phân tích, hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong các lĩnh vực kinh tế.

- PLO5: Có kiến thức kinh tế - xã hội tổng quát, khả năng phân tích, tổng hợp các quá trình kinh tế trong nước và quốc tế; giải thích được các hành vi doanh nghiệp, hành vi người tiêu dùng, hành vi của nhà sản xuất;

- PLO6: Vận dụng được những kiến thức chuyên ngành liên quan đến hoạt động quản trị: công tác nhân sự, hoạt động marketing, hoạt động sản xuất, đảm bảo chất lượng, xây dựng chiến lược, quản lý dự án, dự báo xu hướng hành vi người tiêu dùng, quản trị tài chính, .... vào thực tiễn kinh doanh để thực hiện một cách có hiệu quả nhất, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

### **3.2 Kỹ năng**

#### **❖ Kỹ năng cứng**

- PLO7: Kỹ năng thực hành chuyên môn về quản lý để quản trị và tác nghiệp trong hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm tra đối với hoạt động: sản xuất kinh doanh; quản trị nhân sự, hành chính văn phòng; quản trị tài chính và quản trị dự án đầu tư hiệu quả; quản trị marketing; quản trị bán hàng,..... phù hợp với cơ chế thị trường.

- PLO8: Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo và kiểm tra giám sát trong các hoạt động thực tiễn kinh doanh.

- PLO9: Kỹ năng tư duy độc lập, nhận định, phân tích đánh giá vấn đề, đưa ra các quyết định tối ưu trong các tình huống thực tiễn kinh doanh.

#### **❖ Kỹ năng mềm**

- PLO10: Kỹ năng văn phòng: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp thông thường và đọc hiểu, dịch được tài liệu tiếng Anh thuộc ngành Quản trị kinh doanh (trình độ tương đương B trở lên); sử dụng thành thạo tin học văn phòng và ứng dụng tin học (một số phần mềm thống kê như SPSS, Eviews...) trong phân tích kinh doanh và để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác.

- PLO11: Kỹ năng trình bày và giao tiếp: Có kỹ năng trình bày và giao tiếp (khả năng thuyết trình và đàm phán trong kinh doanh), kỹ năng giao dịch với các đối tượng qua điện thoại, email, đặc biệt là kỹ năng đàm phán và quan hệ với công chúng, xây dựng và phát triển quan hệ cộng đồng.

- PLO12: Kỹ năng làm việc: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; khả năng xây dựng và phát triển mối quan hệ với tập thể; thiết lập các mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính; có khả năng soạn thảo văn bản, vận dụng các thuật toán trong thực tiễn công tác; Phương pháp làm việc và tư duy khoa học, biết cách giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp.

- PLO13: Kỹ năng nghiên cứu: Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học và tự nghiên cứu để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường; có khả năng tự học tập nâng cao kiến thức phục vụ công tác.

### **3.3 Yêu cầu về thái độ**

- PLO14: Tin tưởng và chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt; có tinh thần trách nhiệm, cầu tiến, trung thực, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư trong công tác được giao; có tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận và chính xác;

- PLO15: Có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức kinh doanh đúng theo yêu cầu; có ý thức tự giác học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao, quan tâm đến sự phát triển của đơn vị.

***Quan hệ giữa mục tiêu (PO) với chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT***

Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)	Mục tiêu của CTĐT (POs)						
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
1	X						X
2	X						X
3		X					X
4		X					X
5		X					X
6		X					X
7				X			
8				X		X	
9			X	X	X	X	
10			X	X	X	X	
11					X	X	
12				X		X	
13			X	X			
14							X
15							X

#### **4. CƠ HỘI VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP SAU KHI TỐT NGHIỆP**

##### **4.1. Vị trí việc làm**

- Cán bộ quản lý cấp trung, cấp cao tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; chủ các doanh nghiệp độc lập.

- Hành nghề tư vấn kinh doanh và làm dịch vụ quản lý (khi đủ điều kiện quy định) cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Có khả năng tự nghiên cứu và được bồi dưỡng tiếp để làm cán bộ quản lý tại các đơn vị hành chính sự nghiệp hoặc trở thành cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về quản trị kinh doanh tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo.

##### **4.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.
- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ khả năng học tập lên Sau đại học cùng ngành hoặc thuộc khối ngành đào tạo và những bậc học cao hơn của các ngành đào tạo khác.

## **5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **5.1. Thông tin tuyển sinh**

Tuyển sinh cả nước theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy. Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khỏe để học tập và làm đầy đủ các thủ tục dự thi theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **5.2. Quy trình đào tạo**

#### **5.2.1. Quy trình đào tạo:**

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế. Sinh viên đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **5.2.2. Công nhận tốt nghiệp:**

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của nhà trường về chuẩn đầu ra.

## **6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP**

### **6.1. Phương pháp bài giảng**

Phương pháp bài giảng là một phương pháp giảng dạy thường thấy nhất trong các trường đại học hiện nay. Nó dựa trên mô hình dạy học truyền thụ, nói một cách ngắn gọn: tri thức là một đối tượng có thể được chuyển từ người dạy sang người học. Với tất cả sự tiến bộ của hệ thống đào tạo và công nghệ máy tính, phương pháp bài giảng vẫn là một phương pháp chính được sử dụng rộng rãi trong giảng dạy và đào tạo ở các cấp học cao hơn. Phương pháp này hiệu quả và tiết kiệm, có thể giảng dạy cho một số lượng lớn học sinh, tài liệu có thể được biên soạn một cách có cấu trúc và giáo viên có thể kiểm soát tốt về thời gian và số lượng kiến thức truyền đạt.

Có rất nhiều các nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng cho thấy người học có thể chú trọng nhiều vào tài liệu bài giảng hơn là sách giáo khoa. Giảng bài không chỉ đơn giản là



việc đứng trước lớp và đọc thuộc lòng những gì bạn biết. Bài giảng trên lớp là một hình thức giao tiếp đặc biệt trong đó giọng nói, cử chỉ, chuyển động, nét mặt và giao tiếp bằng mắt có thể bổ sung, giải thích hoặc làm giảm nội dung.

*Áp dụng chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh:* Giảng viên thực hiện trình bày, giải thích các nội dung trong bài học một cách trực tiếp, logic, chứa đựng kinh nghiệm về các nội dung có liên quan, đồng thời cũng truyền cảm hứng, kích thích tư duy để thảo luận cởi mở về bài học giúp người học hiểu và đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng. Đối với người học cần có sự nghiên cứu trước tài liệu và trong quá trình học cần nghe giảng để tiếp nhận, tích lũy và thỉnh thoảng ghi chú để lưu giữ kiến thức.

## **6.2. Phương pháp thảo luận**

Thảo luận là một cuộc trao đổi ý kiến bằng lời nói giữa các thành viên trong nhóm hoặc giữa người dạy và người học. Để thảo luận hiệu quả, sinh viên nên có kiến thức và thông tin trước về chủ đề sẽ thảo luận. Tham gia thảo luận cho phép các thành viên tổng hợp các ý tưởng và kinh nghiệm từ nhóm, tham gia quá trình tích cực, việc học hiệu quả hơn nhớ lâu hơn, tránh học vẹt, mỗi người học đều đưa ra ý kiến của mình và phương pháp này kết hợp với phương pháp nào cũng sẽ phát triển được tính sáng tạo của học sinh.

*Áp dụng chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh:* giảng viên đưa ra các câu hỏi gợi mở hoặc những chủ đề để người học tham gia thảo luận. Người học có thể tham gia chia sẻ, bổ sung ý kiến, thống nhất quan điểm trong một nhóm lớn hoặc chia thành từng nhóm nhỏ, giảng viên sẽ là người cung cấp những thông tin cơ bản về chủ đề, thực hiện điều phối và có những câu hỏi dẫn dắt vấn đề, trong quá trình thảo luận giảng viên sẽ tạo ra môi trường thư giãn để thúc đẩy quá trình thảo luận, khuyến khích các thành viên, các nhóm sử dụng phương pháp nào cũng để kích thích đưa ra thật nhiều những ý kiến cho vấn đề, các ý kiến đưa ra đều sẽ được tôn trọng, lắng nghe và sau đó được người học tự đánh giá. Sau khi kết thúc cuộc thảo luận giảng viên sẽ thực hiện tổng kết lại kết quả của cuộc thảo luận rút ra kết luận cho vấn đề.

## **6.3. Phương pháp nghiên cứu tình huống**

Phương pháp nghiên cứu tình huống được phát triển chủ yếu trong bối cảnh kinh doanh và pháp luật, các sinh viên được trình bày với một bộ hồ sơ các tình huống dựa trên sự kiện thực tế hoặc một tình huống tưởng tượng và họ được yêu cầu: chỉ để chẩn đoán (các) vấn đề cụ thể; để chẩn đoán (các) vấn đề và cung cấp (các) giải pháp; hoặc đưa ra lý do & ý nghĩa của hành động sau khi cung cấp cả vấn đề & giải pháp.

*Áp dụng chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh:* giảng viên sẽ đưa ra các tình huống ngắn gọn, xúc tích, phản ánh các vấn đề thực tế và mở ra một số phản hồi trái ngược nhau. Người học sẽ được khuyến khích làm việc theo nhóm tìm cách xử lý tình huống qua đó từng bước hình thành kỹ năng giải quyết vấn

đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng nghiên cứu. Khi kết thúc tình huống các nhóm sẽ chuẩn bị một bản báo cáo bằng văn bản hoặc một bản trình bày chính thức về cách thức xử lý vụ việc, giảng viên và những người học khác sẽ cùng đánh giá, phản hồi và có những góp ý để hoàn thiện những cách thức xử lý đó. Phương pháp nghiên cứu tình huống sẽ giúp người học hình thành thêm những kỹ năng giải quyết vấn đề hỗ trợ cho nghề nghiệp của họ sau này.

#### **6.4. Phương pháp giao bài tập: Bài tập cá nhân, bài tập nhóm**

Phương pháp giao bài tập là việc giảng viên giao các nhiệm vụ cho người học hoàn thành sau khi được tiếp nhận kiến thức trong bài giảng. Các bài tập, nhiệm vụ giúp người học tổ chức kiến thức, tiếp thu các dữ kiện và chuẩn bị tốt hơn cho các kỳ thi, cho các kỹ năng làm việc. Nó nhấn mạnh vào công việc của từng người học và phương pháp giúp ích cho cả quá trình dạy và học (Kochhar, 2000, tr.358).

*Áp dụng chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh:*

- **Bài tập cá nhân:** Giảng viên giao bài tập cho người học thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ làm việc ở nhà, qua đó hình thành năng lực và phương pháp tự học, tiếp nhận kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu môn học.

- **Bài tập nhóm:** Giảng viên giao bài tập cho nhóm người học thực hiện và hoàn thành, các thành viên trong nhóm cùng làm việc với nhau để hoàn thành nhiệm vụ và kết quả của hoạt động nhóm có thể được trình bày thông qua một bài báo cáo hoặc bài thuyết trình có sự theo dõi và đánh giá, góp ý, bổ sung của các nhóm khác và giảng viên.

#### **6.5. Phương pháp kiến tập, thực tập thực tế**

“Kiến tập” là quá trình người học được tiếp cận những kiến thức đã học trong thực tế. Cụ thể, người học sẽ được tận mắt quan sát những nội dung trước đây chỉ là lý thuyết, tập làm quen và theo dõi cách xử lý những vấn đề đó trong những môi trường, tình huống cụ thể. Bên cạnh đó, khi trải qua quá trình kiến tập, rất nhiều kỹ năng mềm của người học sẽ được trau dồi và nâng cao hiệu quả.

“Thực tập” là hoạt động áp dụng lý thuyết, các kiến thức đã học vào thực tiễn và hoạt động rèn luyện kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ tại cơ sở thực tế, qua đó củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng, thái độ của sinh viên trước khi tốt nghiệp.

“Thực tập thực tế” là hoạt động có thể quan sát, kiến tập, thực hành hoặc làm việc thông qua việc tìm hiểu bằng các giác quan tổng thể để nâng cao khả năng áp dụng các kiến thức đã được học vào thực tiễn.

*Áp dụng chiến lược dạy học này trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh:*

- **Kiến tập thực tế:** Nhà trường cùng Khoa tổ chức các buổi kiến tập, tham quan thực tế tại các doanh nghiệp, xưởng sản xuất,... giúp người học tìm hiểu môi trường làm việc, các công nghệ đang áp dụng trong các lĩnh vực, ngành nghề đã được đào tạo, góp

phần hình thành kỹ năng nghề, văn hóa làm việc và tạo cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

- **Thực tập tốt nghiệp:** Sau khi hoàn thành một số môn học và tích lũy số tín chỉ theo yêu cầu, người học sẽ có một khoảng thời gian đi thực tập thực tế (cụ thể là 8 tuần) tại các doanh nghiệp để sinh viên có thể củng cố lại kiến thức, kỹ năng và tập làm quen với môi trường làm việc thực tế. Trong quá trình thực tập người học sẽ tham gia trực tiếp vào quá trình hoạt động của công ty nơi thực tập vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đưa ra, tích lũy kinh nghiệm làm việc sau này. Đồng thời, qua hoạt động này cũng đem lại cho người học cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp: thực tập tốt và được nhận vào làm chính thức.

## 7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Học tập chủ động, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tình huống... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp, phương châm học tập suốt đời.

*Hình thức đánh giá:* kết hợp gồm loại hình đánh giá như: Chuyên cần; Kiểm tra thường xuyên; Tích cực hoạt động: thảo luận, làm bài tập,...Tiểu luận, thuyết trình; Thi với hình thức trắc nghiệm và tự luận.

*Thang điểm đánh giá:* Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại điểm	Điểm hệ 10	Điểm hệ chữ	Điểm hệ 4
Đạt	9,0 - 10	A+	4,0
	8,5 - 8,9	A	3,5
	8,0 - 8,4	B+	3,1
	7,0 - 7,9	B	2,8
	6,5 - 6,9	C+	2,4
	5,5 - 6,4	C	2,0
	5,0 - 5,4	D+	1,5
	4,0 - 4,9	D	1,0
Không đạt	< 4	F	0

**\* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

- *Đánh giá các học phần lý thuyết:*

Điểm chuyên cần 10%, Kiểm tra thường xuyên 10%, kiểm tra giữa học phần 10%, điểm thi hết học phần 70%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định như sau:

a. Đối với những học phần không làm tiểu luận Điểm học phần được tính:

$$\text{Đ.TKHP} = 60\% \text{ Đ.KTHP} + 20\% \text{ Đ.GK} + 20\% \text{ Đ.TBKTTX}$$

+Đ.TKHP: Điểm tổng kết học phần

+Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần (phải  $\geq 4$  mới tính các điểm khác)

+Đ.GK: Điểm thi giữa kỳ

+Đ.TBKTTX: Điểm trung bình kiểm tra thường xuyên (bao gồm seminar, thảo luận nhỏ, kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút)

b. Đối với những học phần có làm tiểu luận áp dụng hình thức đánh giá như sau:

$$\text{+Đ.TKHP} = 50\% \text{ Đ.KTHP} + 20\% \text{ Đ.GK} + 30\% \text{ Đ.TL}$$

+Đ.TKHP: Điểm tổng kết học phần

+Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần (phải  $\geq 4$  mới tính các điểm thành phần, nếu nhỏ hơn 4 thì điểm tổng kết học phần là điểm F)

+Đ.GK: Điểm thi giữa kỳ

+Đ.TL: Điểm tiểu luận

- *Đánh giá các học phần có lý thuyết và thực hành:*

a. Đối với học phần không có tiểu luận:

+Điểm lý thuyết (ký hiệu là ĐLT): là kết quả các điểm thành phần bao gồm điểm điểm giữa kỳ, điểm kết thúc học phần nhân với trọng số của các điểm thành phần.

+Điểm thực hành (ký hiệu là ĐTH): là trung bình cộng của các bài tập cộng với điểm thi kết thúc thực hành (nếu có) là điểm thường xuyên.

+Điểm thực hành và điểm lý thuyết phải đạt yêu cầu thì mới được tính điểm tổng kết học phần.

b. Đối với học phần có tiểu luận:

+Điểm lý thuyết: bao gồm điểm tiểu luận.

+Điểm thực hành là trung bình cộng của các bài tập là điểm thường xuyên hay điểm giữa kỳ

--ĐKTHP của loại học phần này.

- *Đối với học phần chỉ có thực hành:* Điểm kết thúc học phần là điểm trung bình cộng của các bài tập điểm thi kết thúc thực hành (nếu có).

- *Đánh giá học phần thực tập tốt nghiệp (TTTN)*

Chấm điểm TTTN của sinh viên theo các nội dung và thang điểm phiếu chấm.

## Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

PP kiểm tra, đánh giá		Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
<b>I</b>	<b>Đánh giá quá trình</b>															
1	Đánh giá chuyên cần									x			x			X
2	Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X		x
3	Đánh giá thuyết trình	x		x				x				x			X	
<b>II</b>	<b>Đánh giá kết thúc học phần</b>															
1	Đánh giá kiểm tra viết	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
2	Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm khách quan	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x		
3	Đánh giá thực hành			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
4	Đánh giá thực tập tại doanh nghiệp			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Đánh giá khóa luận							x		x	x	x	x	x	x	x

## 8. CẤU TRÚC, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

### 8.1. Cấu trúc chương trình

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **133 tín chỉ** (chưa tính phần nội dung Giáo dục quốc phòng, an ninh và giáo dục thể chất).
- Khối kiến thức giáo dục đại cương : **31 tín chỉ**
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **103 tín chỉ**, trong đó:
  - + Kiến thức cơ sở ngành: 48 tín chỉ
  - + Kiến thức chuyên ngành: 41 tín chỉ
  - + Thực tập tốt nghiệp: 8 tín chỉ
  - + Khóa luận tốt nghiệp (hoặc các học phần thay thế) : 5 tín chỉ

### 8.2. Nội dung chương trình

Trên cơ sở triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo và cấu trúc chương trình Bộ môn Quản trị kinh doanh Khoa Kinh Tế đã xây dựng nội dung chương trình đào tạo có điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo hướng theo yêu cầu thực tiễn và bổ sung thêm phần kỹ năng cho người học. Nội dung chương trình được trình bày ở bảng sau: (Sổ tay SV của K7/K8)

**Bảng 1. Nội dung chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh**

<b>ST T</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Số Tín chỉ</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Tự học</b>	<b>Thể loại</b>
<b>I.</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUNG</b>		<b>31</b>	<b>465</b>				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Nhằm giúp cho sinh viên: Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.	2	30	30		60	Bắt buộc
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Giúp cho sinh viên: Hiểu biết về các phương thức sản xuất, hình thái kinh tế xã hội, từ đó làm nền tảng cho Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.	3	45	45		90	Bắt buộc
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.	2	30	30		60	Bắt buộc
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và	3	45	45		90	Bắt buộc

ST T	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng						
5	Tin học đại cương	Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành tin học văn phòng như làm việc với máy tính trên hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản , thao tác trên bảng tính điện tử, tạo trình chiếu cũng như kiến thức về internet. Giúp sinh viên sử dụng môi trường làm việc năng động sau này	2	30	25	50		Bắt buộc
6	Tiếng anh 1	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình	2	30	30	15	90	Bắt buộc
7	Tiếng anh 2	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình trên nền tảng kiến thức của môn Tiếng Anh 1	2	30	30	15	90	Bắt buộc

ST T	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
8	Tiếng anh 3	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình trên nền tảng kiến thức của môn Tiếng Anh 2	3	45	45	15	90	Bắt buộc
9	Toán kinh tế 1	Cung cấp những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích cổ điển. Học xong học phần, sinh viên có một cách nhìn hệ thống về ma trận, hệ phương trình tuyến tính; Phép tính vi phân và tích phân; Phương pháp để giải phương trình vi phân.	3	45	45		90	Bắt buộc
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Trang bị những kiến thức cơ bản để sinh viên tính được xác suất của một số bài toán thực tế, ứng dụng thống kê vào các bài toán thực tiễn, biết giải các bài toán kiểm định giả thiết.	3	45	45		90	Bắt buộc
11	Pháp luật đại cương	Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý cơ bản được đưa vào trong Chương trình, các vấn đề mới về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật trong	2	30	30		60	Bắt buộc



ST T	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		hệ thống pháp luật Việt Nam. Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học, biết liên hệ thực tiễn và ứng dụng kiến thức đã học vào trong học tập, công tác và trong đời sống;						
12	Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản	Phân biệt được các loại văn bản: văn bản pháp qui, văn bản hành chính, văn bản hợp đồng. Xác định được hình thức, nội dung và quy trình soạn thảo văn bản	2	30	30		60	Bắt buộc
13	Tâm lý học đại cương	Cung cấp những kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm khoa học. Hiểu rõ cơ sở hình thành các hiện tượng tâm lý người. Nắm được các hiện tượng tâm lý của con người; các phẩm chất và các thuộc tính tâm lý trong cấu trúc nhân cách.	2	30	30		60	Bắt buộc
14	Giáo dục thể chất	Giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khỏe						Bắt buộc
15	Giáo dục quốc phòng	Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan						Bắt buộc

ST T	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân nhân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới						
<b>II.</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>		<b>44</b>	<b>660</b>				
16	Kinh tế vi mô	Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các qui luật kinh tế cơ bản như qui luật cung cầu, qui luật cạnh tranh.	3	45	45		90	Bắt buộc
17	Kinh tế vĩ mô	Giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế, từ những khái niệm về tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp, những yếu tố tác động đến nền kinh tế của một quốc gia và từ đó hiểu rõ các chính sách điều tiết nền kinh tế của Nhà nước	3	45	45		90	Bắt buộc
18	Quản trị học	Giới thiệu các chức năng chính về quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát; một	3	45	45		90	Bắt buộc

<b>ST T</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Số Tín chỉ</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Tự học</b>	<b>Thể loại</b>
		số vấn đề như quản lý thay đổi, quản lý xung đột và nguy cơ; các biện pháp cứu nguy trong quản trị						
19	Toán kinh tế 2	Giới thiệu các kiến thức cơ bản về bản chất và nguyên lý tính toán trong các nghiệp vụ tài chính, vận dụng các kiến thức đó để xây dựng các bài toán tài chính trong những hoàn cảnh riêng với môi trường và các điều kiện khác nhau.	3	45	45		90	Bắt buộc
20	Marketing căn bản	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Marketing, sự vận dụng chúng vào thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; nhận định nhu cầu khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường	3	45	45		90	Bắt buộc
21	Nguyên lý thống kê kinh tế	Sinh viên biết thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu cũng như dự đoán được xu hướng phát triển của hiện tượng trong tương lai	3	45	45		90	Bắt buộc

<b>ST T</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Số Tín chỉ</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Tự học</b>	<b>Thể loại</b>
22	Nguyên lý kế toán	Cung cấp cho sinh viên các ngành kinh tế như kế toán, Tài chính Ngân hàng, quản trị kinh doanh những khái niệm, vấn đề cơ bản về kế toán, trang bị nền tảng kiến thức kế toán để học tập nghiên cứu những môn kế toán nâng cao về sau	3	45	45		90	Bắt buộc
23	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, tổng quan về tài chính-Tiền tệ và những nội dung chủ yếu của các hoạt động tài chính - Tiền tệ trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế.	3	45	45		90	Bắt buộc
24	Luật Kinh tế	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh	2	30	30		60	Bắt buộc
25	Thuế	Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản về thuế và kỹ năng tính toán số tiền thuế phải nộp ngân sách của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản	3	45	30		90	Bắt buộc

ST T	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ hiện hành						
26	Tiếng anh chuyên ngành kinh tế	Học phần này nhằm giúp sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, làm việc trong nhiều tình huống khác nhau liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.	3	45	45		90	Bắt buộc
27	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Môn học Phương pháp nghiên cứu giúp người học hiểu rõ, phân tích và đánh giá những vấn đề cần nghiên cứu một cách khoa học.	2	30	30		60	Bắt buộc
28	Kinh tế quốc tế	Môn Kinh tế quốc tế trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, bao gồm lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức của môn học này để tiếp tục học các môn học khác như: kinh tế đối ngoại, kinh doanh quốc tế, tài chính quốc tế, thanh toán quốc tế.	3	45	45		90	Bắt buộc
29	Tài chính doanh nghiệp	Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên phải nắm được cơ sở lý thuyết về Tài chính doanh nghiệp, các lý thuyết về cấu trúc	4	60	60		120	Bắt buộc

ST T	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		nguồn vốn và mô hình định giá tài sản vốn; biết phân tích và ra quyết định đầu tư quyết định tài trợ và quyết định phân phối thu nhập của doanh nghiệp						
30	Kế toán quản trị	Giúp sinh viên lập được dự toán tổng hợp cho một doanh nghiệp; kiểm soát chi phí sản xuất thông qua phân tích chênh lệch. Sử dụng được các công cụ của kế toán quản trị để thu thập, xử lý và truyền đạt thông tin cho các nhà quản trị nội bộ doanh nghiệp để ra các quyết định liên quan đến đánh giá thành quả của các bộ phận; đánh giá thành quả quản lý của các nhà quản lý bộ phận; lựa chọn các phương án kinh doanh; xác định giá bán của sản phẩm mới; xác định giá trị của các dịch vụ.	4	60	60		120	Bắt buộc
31	Kinh tế lượng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, kỹ năng sử dụng phần mềm Eview, có khả năng xây dựng các mô hình kinh tế để từ đó đưa ra các dự báo.	3	45	45		90	Bắt buộc
<b>III</b>	<b>KHÓI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>		<b>53</b>	<b>795</b>				

ST T	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
	<b>a. Các học phần bắt buộc</b>		<b>39</b>	585				Bắt buộc
32	Marketing dịch vụ	Môn học Marketing dịch vụ cung cấp cho sinh viên nhận biết bản chất của Marketing dịch vụ, phương pháp xây dựng chiến lược Marketing hỗn hợp dịch vụ (7P: Products, Place, Promotion, Prices, People, Process, Provision of customer service).	3	45	45		90	Bắt buộc
33	Quản trị doanh nghiệp*	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, xây dựng và tổ chức thực hiện việc quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp. Sinh viên áp dụng trong việc tạo lập, lựa chọn loại hình pháp lý và tổ chức vận hành doanh nghiệp.	3	45	45		90	Bắt buộc
34	Quản trị rủi ro	Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Môn học này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường,	3	45	45		90	Bắt buộc

<b>ST T</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Số Tín chỉ</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành</b>	<b>Tự học</b>	<b>Thể loại</b>
		đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro.						
35	Quản trị chiến lược	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về quản trị chiến lược kinh doanh hiện đại áp dụng với tất cả các loại hình DN, từ đó tạo lập cho người học tư duy chiến lược trong mối quan hệ tương thích với môi trường kinh doanh thường xuyên thay đổi.	2	30	30		60	Bắt buộc
36	Quản trị sản xuất	Nội dung học phần Quản trị sản xuất bao gồm các vấn đề liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện sản xuất. Cụ thể là liên quan đến vấn đề hoạch định, tổ chức triển khai hoạt động sản xuất, dịch vụ. Trong đó tập trung vào việc quản trị hàng tồn kho, hoạch định nhu cầu vật tư, điều độ tác nghiệp, quản trị chất lượng, bố trí mặt bằng....	3	45	45		90	Bắt buộc
37	Quản trị tài chính	Giới thiệu cho sinh viên hiểu những khái niệm cơ bản về giá trị tiền tệ theo thời gian, mô hình tài	3	45	45		90	Bắt buộc



ST T	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		chính, thuê tài chính, các loại đòn bẩy, sáp nhập và thu tóm công ty						
38	Quản trị Marketing	Môn học đi sâu vào kiến thức chuyên ngành quản trị marketing, các phương pháp hoạch định, phân tích thị trường, hành vi của người tiêu dùng và hành vi tiêu dùng của tổ chức, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh. Qua đó vận dụng các kiến thức đã học để hoạch định chiến lược marketing hỗn hợp nhằm giúp công ty tăng cường lợi thế cạnh tranh trên thương trường.	3	45	45		90	Bắt buộc
39	Quản trị chất lượng	Học phần Quản Trị chất lượng bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động nâng cao chất lượng sản phẩm. Nội dung của học phần đề cập đến hệ thống quản lý chất lượng toàn diện QTM, hệ thống tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc tế ISO 9000, ISO 9001:2000.	3	45	45		90	Bắt buộc
40	Quản trị dự án	Quản trị dự án là một quá trình hoạch định, tổ chức và quản lý các công việc và tài nguyên nhằm thỏa mãn các mục tiêu đã định sẵn với những hạn chế về	3	45	45		90	Bắt buộc

ST T	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		thời gian, tài nguyên và chi phí. Sau khi đã lựa chọn được dự án thích hợp, việc làm tiếp theo là thiết kế mô hình thực hiện, tìm chọn một giám đốc thích hợp, xây dựng và phát triển đội ngũ dự án.						
41	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng về hệ thống thông tin quản lý như một trong các bộ phận chức năng quan trọng nhất tạo nên sự thành công của mọi tổ chức kinh tế xã hội hiện đại. Học phần trình bày cách thức sử dụng và tái tổ chức thông tin để khai thác hệ thống một cách có hiệu quả nhằm góp phần tạo ra những hàng hóa và dịch vụ có chất lượng cao và dành được lợi thế cạnh tranh.	3	45	45		90	Bắt buộc
42	Nghiệp vụ ngoại thương	Môn nghiệp vụ ngoại thương là môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, giúp sinh viên nắm vững các kỹ năng về giao dịch, đàm phán, soạn thảo, kí kết, và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các	3	45	45		90	Bắt buộc

ST T	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		doanh nghiệp có hoạt động mua bán với thương nhân nước ngoài.						
43	Thị trường chứng khoán	Nội dung cơ bản của Học phần này là nghiên cứu chủ yếu vào thị trường chứng khoán, các kỹ thuật phân tích và đầu tư chứng khoán. Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán ở Việt Nam	2	30	30		60	Bắt buộc
<b>b. Học phần tự chọn (chọn 2 trong 5 học phần)</b>			<b>6/15</b>					Tự chọn
44	Phân tích hoạt động kinh doanh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có kỹ năng đưa ra các biện pháp phục vụ cho công tác quản lý và ngăn ngừa các rủi ro trong kinh doanh	3	45	45		90	Tự chọn
45	Quản trị ngân hàng thương mại	Cung cấp cho sinh viên: Kiến thức nhận biết các kỹ thuật quản trị vốn tự có, tài sản nợ, tài sản có,...Thực hiện công việc quản trị ở các phòng ban trong ngân hàng.	3	45	45		90	Tự chọn

ST T	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
46	Thẩm định dự án đầu tư	Sinh viên có đầy đủ kiến thức cơ bản về dự án đầu tư và quy trình thực hiện thẩm định dự án đầu tư. Có kỹ năng tính toán các chỉ số tài chính liên quan để đánh giá hiệu quả của dự án và lựa chọn đầu tư	3	45	45		90	Tự chọn
47	Kế toán hành chính sự nghiệp	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp, nghiên cứu các phần hành kế toán như: Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán NVL CCDC; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán nguồn kinh phí.....	3	45	45		90	Tự chọn
48	Nghiệp vụ Ngân hàng Thương mại	Người học nắm được nội dung các nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng thương mại. Tính toán và giải quyết các nghiệp vụ phát sinh ở Ngân hàng thương mại.	3	45	45		90	Tự chọn
	<b>THỰC TẬP TỐT NGHIỆP</b>	Quá trình thực tập nhằm mục đích giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng thực tế về hoạt động quản trị kinh doanh tại đơn vị trên cơ sở lý thuyết đã được học tại trường. Kết thúc quá trình thực tập, sinh viên phải viết báo	<b>8</b>	<b>Thực tập tại đơn vị trong 8 tuần</b>				Bắt buộc

ST T	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		cáo thực tập để thể hiện sự hiểu biết của mình qua quá trình thực tập						
	<b>KHÓA LUẬN HOẶC CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ</b>		<b>5</b>	<b>75</b>				Bắt buộc
	<b>Khóa luận</b>	Tạo điều kiện cho sinh viên có điều kiện và cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau: Giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo; Rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo.	<b>5</b>	<b>75</b>			<b>150</b>	Tự chọn
	<b>Các học phần thay thế</b>							
49	Quản trị nhân sự	Môn học giới thiệu các chức năng quản trị nhân sự nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp	3	45	45		90	Tự chọn

ST T	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Số Tín chỉ	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Thể loại
		hiệu quả, bao gồm bốn lĩnh vực chủ yếu: hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển chọn, đào tạo và phát triển, và duy trì – quản lý. Bên cạnh đó, sinh viên được trao đổi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên... Hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.						
50	Thống kê Doanh nghiệp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp sản xuất, các phương pháp thống kê. Thống kê nghiên cứu Kết quả sản xuất các ngành sản xuất vật chất, Doanh thu, Tình hình sử dụng lao động, quỹ lương, Tài sản, Vốn, Nguyên vật liệu, Chi phí sản xuất	2	30	30		60	Tự chọn
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA</b>			<b>133</b>	<b>1.995</b>				

(\*) Không tính kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng

### 8.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Trên cơ sở nội dung các môn học, các học phần tiên quyết, đặc điểm cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên và quy định về học chế tín chỉ, kế hoạch giảng dạy chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh dự kiến được phân bổ theo trình tự thời gian cho từng học kỳ năm học như sau:

**Bảng 2. Bảng kế hoạch giảng dạy theo từng học kỳ**

TT	Tên học phần	Số TC	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>31</b>								
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2							
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3		3						
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2					
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3				3				
5	Tin học đại cương	2	2							
6	Tiếng anh 1	2	2							
7	Tiếng anh 2	2		2						
8	Tiếng anh 3	3			3					
9	Toán kinh tế 1	3	3							
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		3						
11	Pháp luật đại cương	2	2							
12	Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	2							
13	Tâm lý học đại cương	2	2							
14	Giáo dục thể chất									
15	Giáo dục quốc phòng									
<b>II</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>	<b>48</b>								
16	Kinh tế vi mô	3		3						
17	Kinh tế vĩ mô	3			3					
18	Quản trị học	3				3				
19	Toán kinh tế 2	3		3						
20	Marketing căn bản	3		3						
21	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			3					
22	Nguyên lý kế toán	3			3					
23	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ	3				3				

24	Luật kinh tế	2			2				
25	Thuế	3			3				
26	Tiếng anh chuyên ngành kinh tế	3						3	
27	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2					2		
28	Kinh tế quốc tế	3			3				
29	Tài chính doanh nghiệp	4				4			
30	Kế toán quản trị	4				4			
31	Kinh tế lượng	3			3				
<b>III</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>	<b>45</b>							
	<b>a. Các học phần bắt buộc</b>	<b>35</b>							
32	Marketing dịch vụ	3				3			
33	Quản trị doanh nghiệp	3				3			
34	Quản trị rủi ro	3					3		
35	Quản trị chiến lược	3					3		
36	Quản trị sản xuất	3					3		
37	Quản trị tài chính	3						3	
38	Quản trị Marketing	3						3	
39	Quản trị chất lượng	3						3	
40	Quản trị dự án	3						3	
41	Hệ thống thông tin quản lý	3						3	
42	Nghiệp vụ ngoại thương	3				3			
43	Thị trường chứng khoán	2				2			
	<b>b. Học phần tự chọn (chọn 2 trong 5 học phần)</b>	<b>6/15</b>						<b>6</b>	
44	Phân tích hoạt động kinh doanh*	3							
	Quản trị ngân hàng thương mại*	3							
45	Thẩm định dự án đầu tư*	3							
	Kế toán hành chính sự nghiệp*	3							
	Nghiệp vụ Ngân hàng Thương mại*	3							
<b>IV</b>	<b>THỰC TẬP TỐT NGHIỆP</b>	<b>8</b>							<b>8</b>



<b>V</b>	<b>KHÓA LUẬN HOẶC CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ</b>	<b>5</b>								<b>5</b>
	<b>Khóa luận</b>	<b>5</b>								
	<b>Các học phần thay thế</b>									
46	Quản trị nhân sự	3								
47	Thống kê Doanh nghiệp	2								
	<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA (*)</b>	<b>133</b>	<b>15</b>	<b>17</b>	<b>19</b>	<b>15</b>	<b>19</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>13</b>

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

(Đã ký)

**PGS.TS. Lê Kính Thắng**

**P.TRƯỞNG KHOA**

(Đã ký)

**TS. Nguyễn Thế Khang**

**P. HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**TS. Phạm Văn Thanh**